

# Ngân hàng TMCP Á Châu

[ Việt Nam / Ngân hàng]

**Bloomberg Code (ACB VN) | Reuters Code (ACB.HM)**

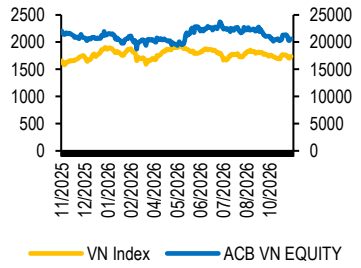
## MUA

**BC Cập nhật**

| | |
|---|---|
| **Giá mục tiêu** (12 tháng) | **VND 25,800** |
| Giá hiện tại (10/11/26) | VND 20,700 |
| Suất sinh lời | 24.6% |

| | |
|---|---|
| VNINDEX | 1,743 |
| P/E thị trường - Forward | 11.7 |
| Vốn hóa (tỷ VND) | 119,571 |
| SLCP đang lưu hành (triệu) | 5,804 |
| SLCP tự do giao dịch(triệu) | 5,391 |
| Tỷ lệ tự do giao dịch (%) | 92.9 |
| 52 tuần cao/thấp(VND) | 23,982 /19,204 |
| KLGD bình quân 90 ngày (triệu CP) | 12.15 |
| GTGD bình quân 90 ngày (tỷ VND) | 310 |
| Room sở hữu nước ngoài – còn lại (%) | 7.9 |
| Cổ đông lớn (%) Sather Gate | 4.99 |

| Biến động giá | 3T | 6T | 12T |
|---|---|---|---|
| Tuyệt đối (%) | -8.2 | 3.0 | -9.1 |
| Tg đối với VN-Index (%) | -6.2 | 10.2 | -14.2 |




Nguồn: Bloomberg

**Phương Nguyễn, CFA**

(84-28) 6299-9004

phuong.nd@shinhan.com

Quét mã QR hoặc click để theo dõi

# Chi phí trích lập dự phòng gia tăng

### Cập nhật với khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 25,800 đồng

ACB định hướng chiến lược là ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Đây cũng là ngân hàng có chiến lược phát triển thận trọng, tỷ trọng thấp vào trái phiếu doanh nghiệp. Về chất lượng tài sản, ngân hàng này là một trong những ngân hàng tiên phong hoàn thành chuẩn BASEL III. Ngoài lợi thế về nhóm khách hàng bán lẻ, ACB đã bước đầu thành công trong mở rộng danh mục KHDN trong thời gian qua. **Tuy nợ xấu có xu hướng tăng trong Q3/2026, tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu của ACB vẫn tiếp tục duy trì trong top các ngân hàng dẫn đầu về chất lượng tài sản**. Với phương pháp thu nhập thặng dư (RI) và phương pháp so sánh dựa trên chỉ số P/B, chúng tôi cập nhật giá mục tiêu cho ACB cho năm 2027 tới ở mức 25,800 đồng (giảm so với giá mục tiêu 26,900) do điều chỉnh tăng chi phí trích lập dự phòng và giảm P/B mục tiêu so sánh.

### Kết quả kinh doanh 9T/2026

- Sau 9T/2026, ACB đạt mức tăng trưởng tín dụng 768 nghìn tỷ đồng (+11.6% Ytd). Nhóm khách hàng lớn dẫn dắt tăng trưởng cho vay với mức tăng 31.8%, nhóm khách hàng SMEs và cá nhân tăng trưởng 9.6% và 6.9% lần lượt.
- Huy động vốn tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá đạt 12.3% ytd. Trong Q3/2026, ACB đã hoàn tất huy động vay nước ngoài với giá trị 500 triệu USD.
- NIM TTM cuối Q3/2026 cải thiện nhẹ lên mức 2.96% (so với 2.94% cuối 2025)
- Thu nhập lãi thuần đạt 22,969 tỷ đồng (+15.9% YoY), nhờ NIM cải thiện nhẹ so với cùng kỳ.
- Thu nhập ngoài lãi đạt 4.979 tỷ đồng (giảm 1.4%). Đà giảm đến từ thiếu vắng thu nhập từ mảng chứng khoán đầu tư và tăng trưởng chậm hơn từ thu nhập thanh lý tài sản. Trong khi đó, thu nhập phí tăng trưởng khả quan với sự tăng trưởng dương trở lại của mảng bảo hiểm sau nhiều năm (+5.9%), mảng thanh toán và thẻ đạt tăng trưởng 12.7% và 13.7%.
- Tỷ lệ nợ xấu tăng lên mức 1.19% (so với mức 1.03% cuối Q2/2026 và 0.97% cuối 2025). Trong đó, tỷ lệ nợ xấu trước CIC ở mức 1.04%. Chi phí trích lập dự phòng tín dụng lũy kế 9T/2026 tăng 7.7%.
- Chi phí hoạt động
- Lợi nhuận trước thuế của ACB 9T/2026 đạt 16,614 tỷ đồng, hoàn thành 74% kế hoạch lợi nhuận năm.

### Triển vọng năm 2026-2027

Năm 2026, chúng tôi dự phóng ACB tăng trưởng cho vay ở mức 12%, với NIM nở lên mức trên 3.0%. Tuy vậy, chúng tôi điều chỉnh tăng tỷ lệ nợ xấu và chi phí trích lập dự phòng do mặt bằng lãi suất cho vay duy trì ở mức cao, dù đà tăng đã bắt đầu ổn định sau những chỉ đạo của NHNN. Lợi nhuận trước thuế của ACB theo đó đạt 22,421 tỷ đồng (+14.7%). Sang năm 2027, do đà tăng lớn của nợ nhóm 2, chúng tôi tiếp tục kỳ vọng chi phí trích lập sẽ gặp áp lực tăng với tỷ lệ nợ xấu dự phóng ở mức 1.5%. Chúng tôi giả định tăng trưởng cho vay ở mức 12% với NIM quanh 3% cho năm sau. Lợi nhuận trước thuế của ngân hàng có thể đạt 24,803 tỷ đồng (+11% YoY).

**Rủi ro:** (1) Tăng trưởng tín dụng tăng thấp hơn dự kiến ; (2) Biến động lãi suất khiến NIM của ACB giảm sâu hơn dự báo; (3) Mảng cho vay bán lẻ tiếp tục gặp khó khăn

| Năm | 2023 | 2024 | 2025 | 2026F | 2027F |
|---|---|---|---|---|---|
| Thu nhập từ lãi (tỷ VND) | 24,960 | 27,795 | 26,906 | 31,779 | 34,558 |
| Thu nhập ngoài lãi (tỷ VND) | 7,787 | 5,720 | 6,892 | 6,797 | 9,414 |
| **Tổng thu nhập (tỷ VND)** | **32,747** | **33,515** | **33,798** | **38,576** | **43,972** |
| Các chi phí hoạt động và chi phí dự phòng (tỷ đồng) | (12,679) | (12,509) | (14,259) | (16,155) | (19,168) |
| **Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)** | **20,068** | **21,006** | **19,539** | **22,421** | **24,803** |
| Tăng trưởng cho vay khách hàng | 17.9% | 19.1% | 18.3% | 12.0% | 12.0% |
| NIM | 3.9% | 3.7% | 2.9% | 3.0% | 3.0% |
| **ROE** | **24.4%** | **21.8%** | **17.6%** | **17.6%** | **17.0%** |

Nguồn: Fiinpro, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does and seeks to do business with companies covered in its research reports. As a result, investors should be aware that the firm may have a conflict of interest that could affect the objectivity of this report. Investors should consider this report as only a single factor in making their investment decision. Analysts employed by Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. , or a non-US affiliate thereof, are not registered/qualified as research analysts with FINRA, may not be associated persons of the member and may not be subject to FINRA restrictions on communications with a subject company, public appearances and trading securities held by a research analyst account. For analyst certification and important disclosures, refer to the Compliance & Disclosure

# Dự phóng kết quả kinh doanh 2026

| Năm | 9T/2026 | %yoy | 2026F (mới) | %yoy | 2026F (cũ) | Chú thích |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Thu nhập lãi thuần (tỷ đồng) | 22,969 | 15.9% | 31,799 | 18.1% | 31,122 | - Tăng trưởng tín dụng đạt 11.5%, ACB đã bắt đầu giải ngân có chọn lọc trái phiếu doanh nghiệp tuy vậy tỷ trọng còn nhỏ trên tổng tín dụng còn nhỏ. Phân khúc doanh nghiệp tiếp tục cải thiện tốt, đạt 31.8%. Mảng bán lẻ tăng trưởng thấp hơn ở mức 9.6% và 6.9%. Về nhóm ngành, cho vay tăng trưởng tốt ở ngành sản xuất, xây dựng và thương mại.<br>NIM cải thiện. Trong 9T/2026, ACB đã đẩy mạnh cho vay kỳ hạn dài (+24.1% ytd) so với kỳ hạn ngắn (+4.9% ytd) |
| Thu nhập ngoài lãi (tỷ đồng) | 4,976 | -13.9% | 6,797 | -1.4% | 8,483 | - Thu nhập phí tăng trưởng tốt, mảng thanh toán và bảo hiểm. Công ty ACB Insurance dự kiến chính thức đưa vào hoạt động Q1/2027.<br>Trái với dự báo chúng tôi đầu năm, ACB không ghi nhận lợi nhuận trong danh mục lợi nhuận từ mảng chứng khoán đầu tư trong năm 2026 do diễn biến lãi suất không thuận lợi.<br>Thu nhập từ xử lý nợ xấu tốt hơn dự báo của chúng tôi dù giao dịch thị trường bất động sản ảm đạm. |
| Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng) | 27,946 | 9.2% | 38,576 | 14.1% | 39,604 | |
| Chi phí hoạt động (tỷ đồng) | 8,651 | 6.3% | 12,563 | 15.0% | 13,218 | ACB đã tiết kiệm chi phí hoạt động hơn dự báo ban đầu của chúng tôi. CIR của ACB 9T/2026 giảm về 31% (từ mức 32%). Ban lãnh đạo cho biết đầu tư công nghệ sẽ tiếp tục triển khai, kỳ vọng CIR tăng 1% vào các năm tới<br>Chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tăng mạnh hơn so với dự báo. Ban lãnh đạo cho biết 1/3 tổng chi phí trích lập đến từ trích lập bổ sung theo Nghị định 86.<br>Tỷ lệ nợ xấu của ACB đã tăng mạnh do ảnh hưởng bởi tác động CIC. Với việc nợ nhóm 2 cũng tăng mạnh +184% Ytd, chúng tôi điều chỉnh tăng chi phí trích lập dự phòng cho hai năm tới (chi phí tín dụng từ 0.36% lên 0.5% và giữ ở mức 0.5% cho năm 2027)<br>Lợi nhuận trước thuế của ACB 9T/2026 bám sát kế hoạch 22,300 tỷ đồng cả năm. Sau khi điều chỉnh tăng chi phí trích lập, chúng tôi nhận định khả năng ACB vẫn sẽ đạt được kế hoạch mục tiêu nhờ cải thiện từ mảng thu nhập lãi thuần và mảng thu phí |
| Chi phí trích lập dự phòng (tỷ đồng) | 2,680 | 94.5% | 3,592 | 7.7% | 2,631 | |
| LNTT (tỷ đồng) | 16,614 | 3.4% | 22,421 | 14.7% | 22,732 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| LNST (tỷ đồng) | 15,625 | -6.9% | 17,936 | 14.8% | 18,985 | |
| Tỷ lệ nợ xấu-NPL (%) | 1.2% | | 1.3% | | 1.2% | - Chúng tôi điều chỉnh tỷ lệ nợ xấu của ACB năm 2026 lên mức 1.3% và 1.5% cho năm 2027. |
| Tỷ lệ bao phủ nợ xấu – LLR (%) | 91% | | 100% | | 106% | Tỷ lệ bao phủ nợ xấu theo đó sẽ ở mức 100% cho 2026 và về mức quanh 90% cho năm 2027 |
| Tăng trưởng cho vay khách hàng YTD (%) | 11.5% | | 12.0% | | 15.0% | - Nhiều khả năng ACB sẽ bị giới hạn ở mức room tín dụng 12% cho năm 2026, chúng tôi điều chỉnh giảm tốc độ tăng trưởng cho vay 2026 tương ứng. Năm 2027, chúng tôi đang thận trọng giả định tăng trưởng tín dụng 12% |
| Tăng trưởng tiền gửi khách hàng – Ytd (%) | 4.4% | | 5.0% | | 14.0% | - Tăng trưởng tiền gửi tăng chậm hơn dự báo, ACB bù lại đảm bảo nguồn vốn từ phát hành giấy tờ có giá (9T/2026, +58%) Trong kỳ 2026, ACB đã thành công trong huy động vốn quốc tế 500 triệu USD. Lãi suất tiền gửi được kỳ vọng giảm 0.3-0.5%, với xu hướng trên ACB có thể quay lại kênh tiết kiệm truyền thống trong các quý tới. |
| Tỷ lệ thu nhập lãi thuần – NIM (TTM %) | 2.9% | | 3.0% | | 2.9% | - Nhờ kiểm soát tốt chi phí vốn và đẩy cho vay kỳ hạn dài hơn, chúng tôi điều chỉnh tăng NIM mục tiêu 2026 -2027 lên quanh 3%. |

# Định giá và khuyến nghị

## Định giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp thu nhập thặng dư (RI) và phương pháp định giá theo P/B với tỷ trọng lần lượt ở mức 20%-80%.

Mức giá mục tiêu cho cổ phiếu cho 12 tháng tới ở mức 25,800 đồng (giảm so với giá mục tiêu 26,900 trong báo cáo gần nhất).

1) Với xu hướng suy giảm chất lượng tài sản của toàn ngành, chúng tôi giảm P/B mục tiêu của ACB về quanh -1std mức trung bình 5 năm, ở mức 1.2x. Theo đó với BVPS năm 2027 ở mức 21,491 đồng, giá mục tiêu năm 2027 được chúng tôi dự phóng ở mức 25,789 đồng/cp

2) Đối với phương pháp thu nhập thặng dư, mức giá cổ phiếu cho 12 tháng tới rơi vào mức 26,114 đồng.

| **Chi phí vốn** | |
|---|---|
| **Chi phí vốn (%)** | **13.6** |
| Lãi suất phi rủi ro (%) | 4.5 |
| Phần bù rủi ro vốn cổ phần (%) | 9.16 |
| Beta | 1.0 |

**Phương pháp RI**

| **(Đơn vị: tỉ VND)** | **3M2026F** | **2027F** | **2028F** | **2029F** | **2030F** |
|---|---|---|---|---|---|
| Chi phí vốn (%) | **13.6** | **13.6** | **13.6** | **13.6** | **13.6** |
| Chi phí vốn sau 2030 | | | | | **13.6** |
| LNST | 4,625 | 19,843 | 23,085 | 26,640 | 29,852 |
| Lợi nhuận thặng dư (RI) | 1,152 | 3,887 | 4,784 | 5,622 | 5,747 |
| **Giá trị hiện tại RI** | **1,116** | **3,312** | **3,586** | **3,708** | **3,335** |

| | |
|---|---|
| **Lợi nhuận thặng dư dài hạn** | **56,019** |
| Tốc độ tăng trưởng dài hạn | 2.00% |

| | |
|---|---|
| Giá trị hiện tại dài hạn | 32,509 |
| Giá trị hiện tại RI | 15,057 |
| Vốn ban đầu | 104,013 |
| Tổng giá trị | 151,579 |
| Số lượng cổ phiếu (tỷ) | 5.8 |
| **Giá mục tiêu (VND)** | **26,114** |

**Định giá cổ phiếu**

| **Phương pháp** | Tỷ trọng | Giá mục tiêu (VND) |
|---|---|---|
| Thu nhập thặng dư (RI) | 20% | **26.114** |
| P/B mục tiêu (1.2x) | 80% | **25,854** |
| **Giá mục tiêu (VND)** | **25,854** | |

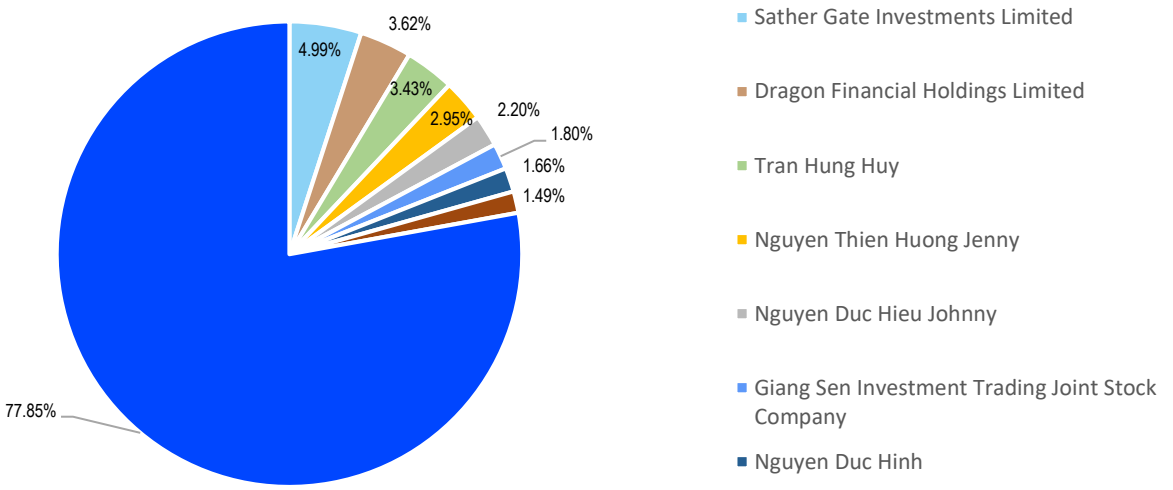
Nguồn: Shinhan Securities Vietnam

# Tổng quan doanh nghiệp

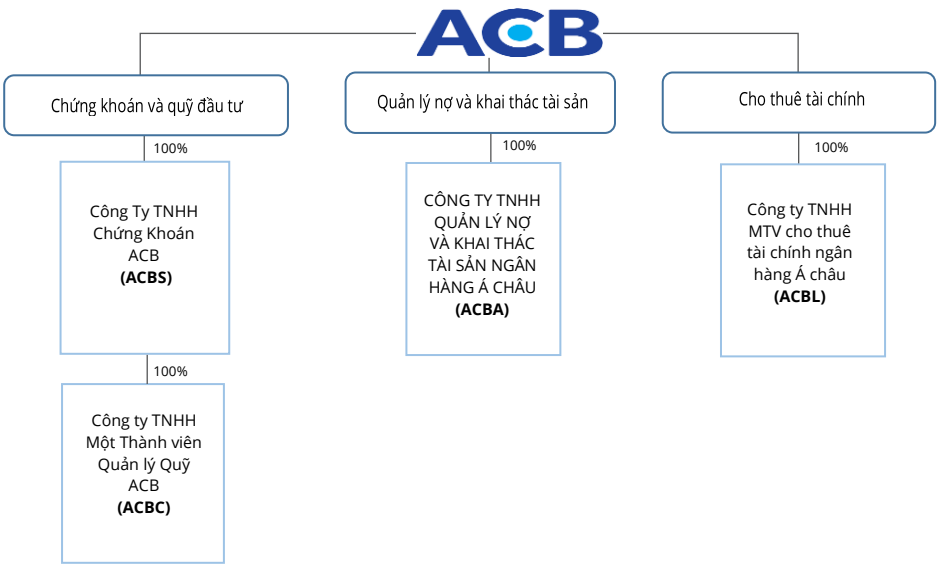
## Lịch sử công ty

ACB được thành lập theo giấy phép số 0032/NH-GP cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 1993 và chính thức đi vào hoạt động vào 13 tháng 5 năm 1993. ACB niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, sau là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 21 tháng 11 năm 2006. Ngày 09 tháng 12 năm 2020, ACB chính thức chuyển sang giao dịch sang Sở giao dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

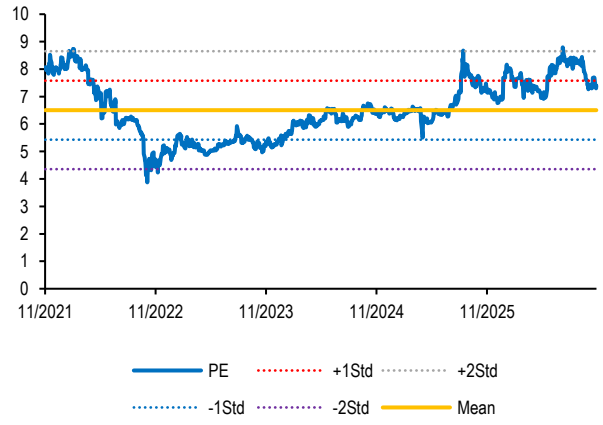
**Cơ cấu cổ đông của ACB Q2/2026**




**Hệ thống công ty con của ACB**

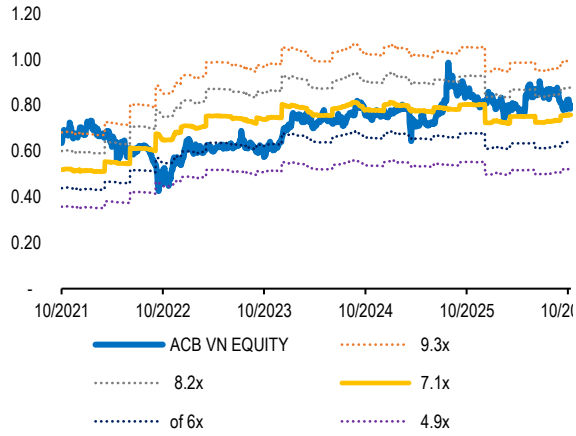


### PER của ACB



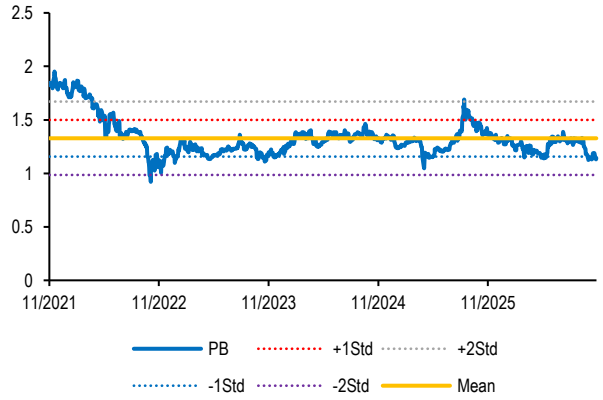

Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

### Biểu đồ PER band của ACB



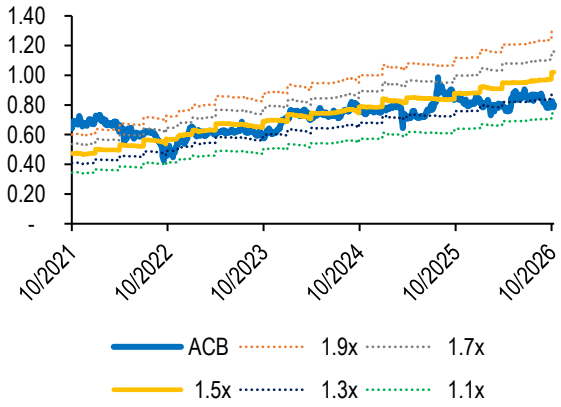

Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

### PBR của ACB



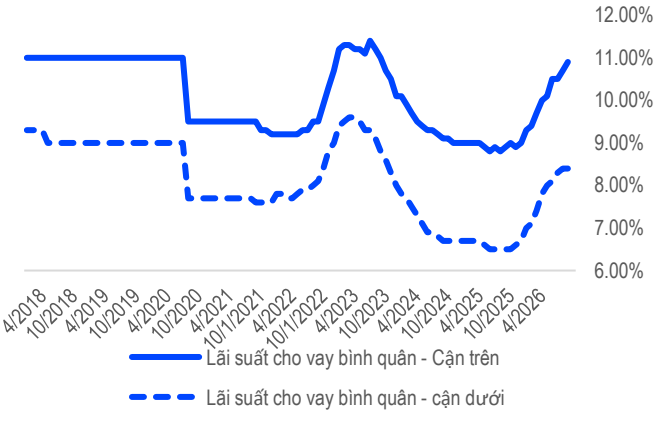

Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

### Biểu đồ PBR band của ACB



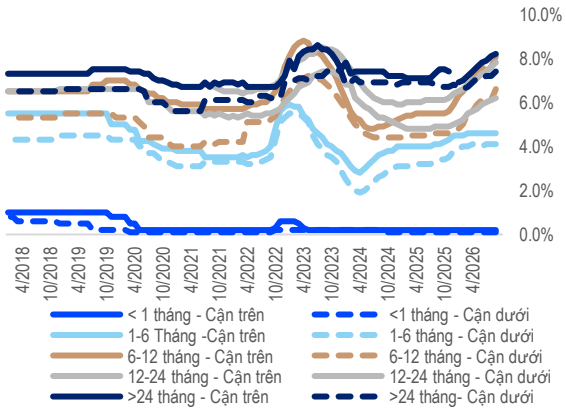

Nguồn: SBV, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất cho vay bình quân tại Việt Nam



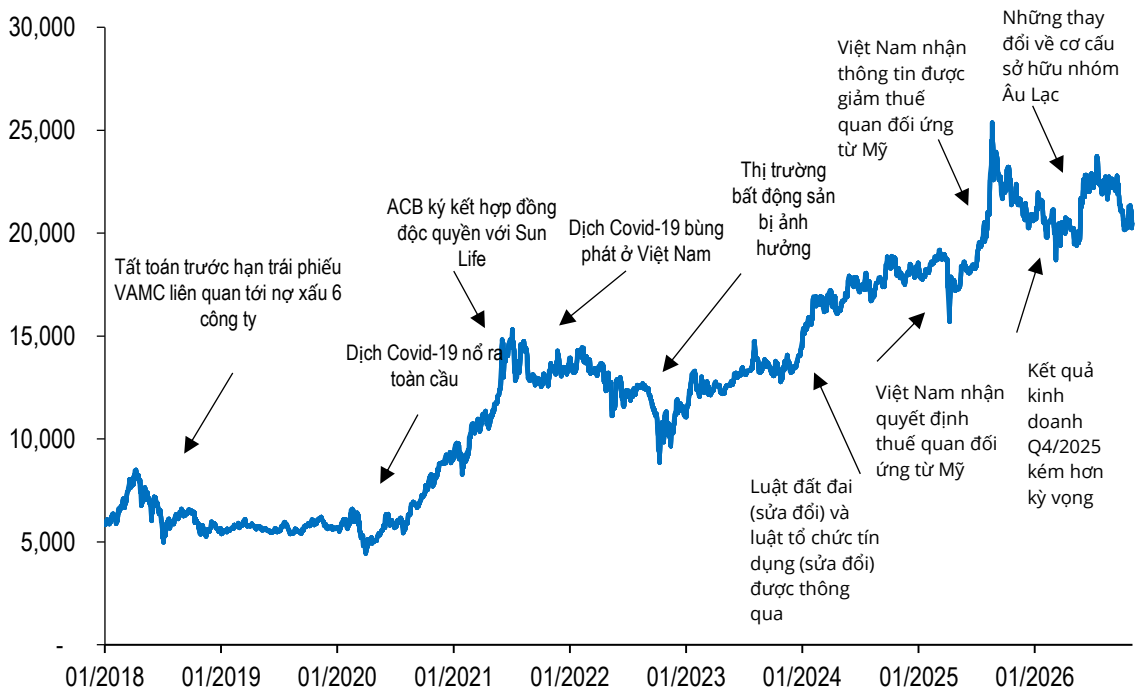

Nguồn: SBV, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất huy động bình quân tại Việt Nam




Nguồn: SBV, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

**Sự kiện quan trọng của ACB**




Nguồn: Bloomberg, Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

# Phụ lục: Báo cáo tài chính

## Bảng cân đối kế toán

| Năm (Tỷ đồng) | 2023 | 2024 | 2025 | 2026F | 2027F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **718,795** | **864,006** | **1,025,850** | **1,124,605** | **1,259,695** |
| Tiền mặt, vàng bạc, đá quý | 6,909 | 5,696 | 8,625 | 4,916 | 5,407 |
| Tiền gửi tại NHNN | 18,505 | 25,220 | 16,575 | 24,578 | 27,035 |
| Tiền gửi và cho vay TCTD khác | 114,874 | 117,882 | 149,991 | 146,314 | 169,474 |
| Chứng khoán kinh doanh | 7,177 | 3,881 | 6,545 | 6,545 | 6,545 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | - | 56 | 324 | 324 | 324 |
| Cho vay khách hàng | 482,235 | 573,947 | 679,153 | 761,272 | 852,359 |
| Hoạt động mua nợ | - | - | - | - | - |
| Chứng khoán đầu tư | 73,463 | 121,090 | 144,164 | 157,436 | 172,199 |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn | 140 | 125 | 75 | 75 | 75 |
| Tài sản cố định | 4,763 | 5,412 | 5,439 | 5,963 | 6,539 |
| Bất động sản đầu tư | 177 | 177 | 150 | 150 | 150 |
| Tài sản Có khác | 10,552 | 10,519 | 14,811 | 17,033 | 19,588 |
| **Tổng nợ** | **647,839** | **780,544** | **931,330** | **1,015,736** | **1,134,951** |
| Nợ chính phủ và NHNN | 0 | 7,955 | 32,976 | 32,976 | 32,976 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 89,507 | 111,592 | 155,000 | 99,284 | 80,132 |
| Tiền gửi của khách hàng | 482,703 | 537,305 | 585,180 | 614,439 | 675,883 |
| Công cụ phái sinh, Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của CP và TCTD khác | 159 | 28 | 19 | 19 | 19 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 52,410 | 101,650 | 133,294 | 239,930 | 311,909 |
| Các khoản nợ khác | 23,060 | 22,014 | 24,861 | 29,087 | 34,032 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **70,956** | **83,462** | **94,520** | **108,869** | **124,743** |
| Vốn của tổ chức tín dụng | 39,112 | 44,938 | 51,638 | 51,638 | 51,638 |
| Quỹ của tổ chức tín dụng | 11,557 | 14,790 | 17,583 | 20,311 | 23,328 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 20,286 | 23,734 | 25,298 | 36,919 | 49,777 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | - | - | - | - | - |
| **Tổng cộng nguồn vốn** | **718,795** | **864,006** | **1,025,850** | **1,124,605** | **1,259,695** |

## Kết quả hoạt động kinh doanh

| Năm (Tỷ đồng) | 2023 | 2024 | 2025 | 2026F | 2027F |
|---|---|---|---|---|---|
| Thu nhập lãi | 52,347 | 50,903 | 58,756 | 80,944 | 88,893 |
| Chi phí lãi | (27,387) | (23,108) | (31,850) | (49,166) | (54,335) |
| **Thu nhập lãi thuần** | **24,960** | **27,795** | **26,906** | **31,779** | **34,558** |
| Từ hoạt động dịch vụ | 2,922 | 3,239 | 3,147 | 3,640 | 4,484 |
| Từ hoạy động kinh doanh ngoại hối vàng | 1,110 | 1,171 | 1,732 | 1,948 | 2,182 |
| Từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 168 | 200 | 474 | - | - |
| Từ mua bán chứng khoán đầu tư | 2,647 | 450 | 397 | (25) | 824 |
| Từ hoạt động khác | 863 | 624 | 1,023 | 1,114 | 1,804 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 76 | 36 | 119 | 119 | 119 |
| **Tổng thu nhập ngoài lãi** | **7,787** | **5,720** | **6,892** | **6,797** | **9,414** |
| **Tổng thu nhập hoạt động** | **32,747** | **33,515** | **33,798** | **38,576** | **43,972** |
| Chi phí hoạt động | (10,874) | (10,903) | (10,924) | (12,563) | (15,076) |
| LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro tín dụng (PPOP) | 21,872 | 22,612 | 22,874 | 26,013 | 28,896 |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (1,804) | (1,606) | (3,335) | (3,592) | (4,093) |
| **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **20,068** | **21,006** | **19,539** | **22,421** | **24,803** |
| Thuế TNDN | (4,023) | (4,216) | (3,914) | (4,484) | (4,961) |
| **Tổng lợi nhuận sau thuế** | **16,045** | **16,790** | **15,625** | **17,936** | **19,843** |
| LNST thuộc về công ty mẹ | 16,045 | 16,790 | 15,625 | 17,936 | 19,843 |

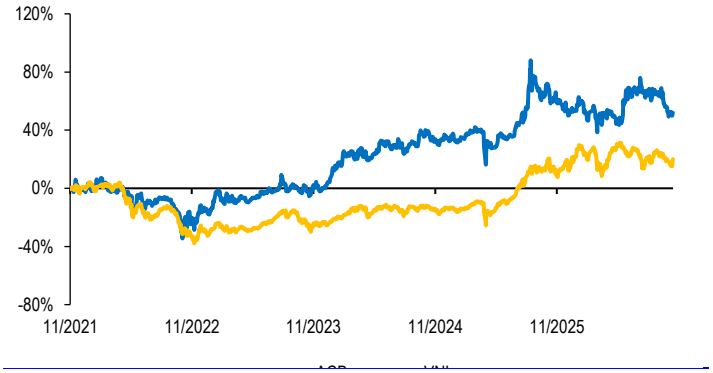
## Chỉ số tài chính

| Năm | 2023 | 2024 | 2025 | 2026F | 2027F |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tăng trưởng (% YoY)** | | | | | |
| Dư nợ cho vay | 17.86 | 19.09 | 18.27 | 12.00 | 12.00 |
| Tiền gửi của khách hàng | 16.61 | 11.31 | 8.91 | 5.00 | 10.00 |
| Vốn chủ sở hữu | 21.42 | 17.62 | 13.25 | 15.18 | 14.58 |
| Tổng tài sản | 18.25 | 20.20 | 18.73 | 9.63 | 12.01 |
| Thu nhập lãi thuần | 6.06 | 11.36 | (3.20) | 18.11 | 8.75 |
| Thu nhập ngoài lãi | 48.14 | (26.54) | 20.49 | (1.38) | 38.50 |
| PPOP | 27.27 | 3.38 | 1.16 | 13.72 | 11.08 |
| LNTT | 17.26 | 4.67 | (6.98) | 14.75 | 10.63 |
| LNST | 17.22 | 4.64 | (6.94) | 14.80 | 10.63 |
| **Lợi nhuận (%)** | | | | | |
| NIM | 3.98 | 3.68 | 2.94 | 3.01 | 2.95 |
| ROA | 2.42 | 2.12 | 1.65 | 1.67 | 1.66 |
| ROE | 24.80 | 21.75 | 17.56 | 17.64 | 16.99 |
| **Thanh khoản (%)** | | | | | |
| Tổng dư nợ/Tổng tiền gửi (Pure LDR) | 101.01 | 108.07 | 117.36 | 125.19 | 127.46 |
| **Chất lượng tài sản** | | | | | |
| Tỷ lệ đòn bẩy (x) | 10.13 | 10.35 | 10.85 | 10.33 | 10.10 |
| Tỷ lệ NPL (%) | 1.21 | 1.49 | 0.97 | 1.30 | 1.50 |
| Tỷ lệ LLR (%) | 91.16 | 77.92 | 114.29 | 99.67 | 88.97 |
| Dự phòng/Dư nợ tín dụng (%) | 1.10 | 1.16 | 1.11 | 1.03 | 1.06 |
| Chi phí tín dụng/Dư nợ cho vay (%) | 0.40 | 0.30 | 0.53 | 0.49 | 0.50 |
| Chi phí tín dụng/Dư nợ tín dụng (%) | 0.40 | 0.30 | 0.53 | 0.49 | 0.50 |
| **Giá trị trên mỗi cổ phiếu (VND)** | | | | | |
| EPS | 2,764 | 2,893 | 2,692 | 3,090 | 3,419 |
| BPS | 12,224 | 14,379 | 16,284 | 18,756 | 21,491 |
| PPOP/share | 3,768 | 3,896 | 3,941 | 4,482 | 4,978 |

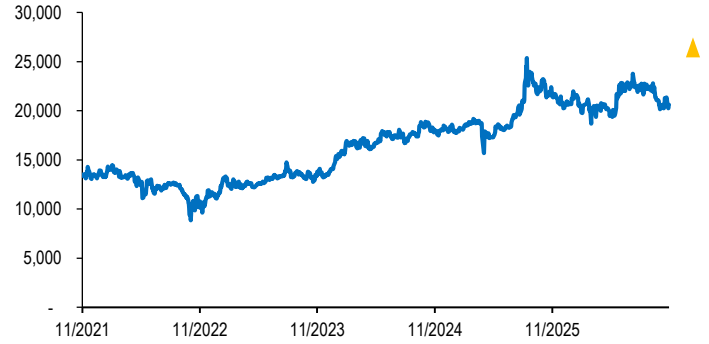
Nguồn: Dữ liệu công ty, Shinhan Securities Vietnam

# Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB VN)

## Diễn biến giá




## Giá mục tiêu (VND)




| Ngày | Khuyến nghị | Giá mục tiêu (VND) | Khoảng giá MT (%) Trung bình | Cao/Thấp |
|---|---|---|---|---|
| 30/04/2023 (BC lần đầu) | MUA | 19,567 | 47.0 | 20/91 |
| 25/10/2023 (BC cập nhật) | MUA | 21,309 | 60.2 | 30/107 |
| 09/04/2024 (BC cập nhật) | MUA | 22,716 | 36.2 | 17/62 |
| 28/10/2024 (BC cập nhật) | MUA | 26,666 | 39.5 | 21/64 |
| 18/02/2025 (BC cập nhật) | MUA | 26,666 | 39.7 | 30.4/50.3 |
| 16/09/2025 (BC cập nhật) | MUA | 30,131 | 43.3 | 15.5/88.8 |
| 02/03/2026 (BC cập nhật) | MUA | 26,941 | 20.3 | -3.1/58.5 |
| 10/11/2026 (BC cập nhật) | MUA | 25,800 | 19.7 | 7.8/34.6 |

Lưu ý: Tính toán chênh lệnh giá mục tiêu dựa trên 12 tháng qua

**Shinhan Securities Vietnam**

| Cổ phiếu | Ngành |
|---|---|
| ◆ **MUA:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ 15% trở lên<br>◆ **GIỮ:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng từ -15% đến 15%<br>◆ **BÁN:** Khả năng sinh lời trong 12 tháng thấp hơn -15% | ◆ **TÍCH CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị MUA<br>◆ **TRUNG LẬP:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị GIỮ<br>◆ **TIÊU CỰC:** Cổ phiếu được theo dõi có vốn hóa lớn nhất trong ngành được khuyến nghị BÁN |

# Compliance & Disclosure Notice

## Analyst Certification

- The following analysts hereby certify that their views about the companies and securities discussed in this report are accurately expressed and that they have not received and will not receive direct or indirect compensation in exchange for expressing specific recommendations or views in this report: Phuong Nguyen

## Important Disclosures & Disclaimers

- As of the date of publication, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. does not beneficially own 1% or more of any class of common securities of the following companies mentioned in this report: ACB VN
- Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or one of its affiliates, and/or their respective officers, directors, or employees may have interests, or long or short positions, and may at any time make purchases or sales as a principal or agent of the securities of the companies mentioned in this report.
- As of the date of publication, research analysts responsible for this report and members of their households do not have any financial interest in the debt or securities of the companies mentioned in this report.
- Research analysts responsible for this report receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. including profits derived from investment banking. The analysts responsible for this report may also receive compensation based upon, among other factors, the overall profitability of sales and trading businesses relating to the class of securities or financial instruments for which such analysts are responsible.
- All opinions and estimates regarding the companies and their securities are accurate representations of the research analysts' judgments and may differ from actual results.
- This report is intended to provide information to assist investment decisions only, and should not be used or construed as an offer or a solicitation of an offer to buy or sell any securities. The information herein has been obtained from sources deemed reliable, but such information has not been independently verified and no guarantee, representation, or warranty, expressed or implied, is made as to its accuracy, completeness, or correctness. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. makes the best effort but does not guarantee the accuracy, completeness, or correctness of information and opinions translated into English from original Vietnamese language materials. Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. accepts no liability whatsoever for any direct, indirect, and/or consequential loss arising from any use of this material or its contents. Stock selection and final investment decisions should be made at the investor's own and sole discretion.
- This report is distributed to our customers only, and any unauthorized use, duplication, or redistribution of this report is strictly prohibited.
- Investing in any Vietnamese securities or related financial instruments discussed in this research report may present certain risks. The securities of Vietnamese issuers may not be registered with, or be subject to the regulations of, the US Securities and Exchange Commission. Information on Vietnamese securities or related financial instruments may be limited. Foreign companies may not be subject to audit and reporting standards and regulatory requirements comparable to those in effect within the US. The value of any investment or income from any securities or related financial instruments discussed in this research report denominated in currencies other than the Vietnamese won is subject to exchange rate fluctuations that may have a positive or adverse effect on the value of or income from such securities or related financial instruments.

## Distribution

- United States: This report is distributed in the US by Shinhan Investment America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major US institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) of the US Securities Exchange Act of 1934. All US persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are major US institutional investors and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any US recipient of this document wishing to effect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Shinhan Investment America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the US. The securities described herein may not have been registered under the US Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the US or to US persons unless they have been registered or are in compliance with an exemption from registration requirements.
- All Other Jurisdictions: Customers in all other countries who wish to effect a transaction in any securities referenced in this report should contact Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. or its affiliates only if distribution to or use by such customer of this report would not violate applicable laws and regulations and not subject Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd. and its affiliates to any registration or licensing requirement within such jurisdiction.



## Shinhan Investment Network

### SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
23-2, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

### NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

### Hong Kong

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

### Indonesia

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

### Shanghai

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

### Ho Chi Minh

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang,
Thu Thiem Ward, Thu Duc City, HCM City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

### Ha Noi

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000